

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28- 6 - 2021
V/v Không công nhận là vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Thanh Tùy- Cán hộ hưu trí thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Phạm Xuân Mỹ- Hiệu trưởng trường Dân tộc nội trú huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HPT ngày 10/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hán Thị Ái V, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Buôn J, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Hoàng Đạt Q, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Buôn J, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hán Thị Ái V trình bày:* Bà và ông Hoàng Đạt Q quen biết, tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi về sống chung thì cư trú tại Buôn J, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1995 cho đến nay.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó đến đầu năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do ông Hoàng Đạt Q không có chính kiến, nghe lời xúi giục của cha mẹ nên thường đe dọa và đánh đập bà V. Vì con cái nên bà V đã cố gắng chịu đựng nhưng ông Q không thay đổi. Nay bà V xác định không còn tình cảm nữa, không thể tiếp tục chung sống, mặc khác bà V và ông Hoàng Đạt Q cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà V và ông Hoàng Đạt Q là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung là Hoàng Đạt T, sinh năm 1996, Hoàng Đạt Th, sinh ngày 08/8/2005.

Đối với cháu Hoàng Đạt T, sinh năm 1996 đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Hoàng Đạt Th, sinh ngày 08/8/2005, bà V tôn trọng nguyện vọng của cháu Th muốn ở với bố hoặc mẹ đều được. Nếu cháu Th có nguyện vọng ở cùng bà V thì bà V đồng ý nhận nuôi cháu Th cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hán Thị Ái V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Hoàng Đạt Q trình bày:* Ông và bà Hán Thị Ái V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung thì cư trú tại Buôn J, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1995 cho đến nay.

Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do không hợp nhau nên dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã và xô xát nhau. Nay bà Hán Thị Ái V yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Hán Thị Ái V là vợ chồng thì ông Q mong muốn bà V quay về tiếp tục chung sống để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Có 02 con chung là Hoàng Đạt T, sinh năm 1996; Hoàng Đạt Th, sinh ngày 08/8/2005.

Đối với cháu Hoàng Đạt T, sinh năm 1996 đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân nên ông Q không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trường hợp Tòa án không công nhận ông và bà Hán Thị Ái V là vợ chồng, thì ông Hoàng Đạt Q có nguyện vọng nhận nuôi cháu Hoàng Đạt Th, sinh ngày 08/8/2005 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Hoàng Đạt Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hoàng Đạt Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014; điểm c mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Tuyên không công nhận bà Hán Thị Ái V và ông Hoàng Đạt Q là vợ chồng; Về con chung: Đối với cháu Hoàng Đạt T đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết; giao cháu

Hoàng Đạt Th cho ông Hoàng Đạt Q chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Không công nhận là vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại Buôn J, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn ông Hoàng Đạt Q cố tình vắng mặt, tại phiên tòa lần thứ hai ông Hoàng Đạt Q vẫn vắng mặt. Nguyên đơn bà Hán Thị Ái V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hán Thị Ái V và ông Hoàng Đạt Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, ông bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà V có yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà V và ông Q. Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm c mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của bà V, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hán Thị Ái V và ông Hoàng Đạt Q.

[2.2] Về con chung: Đối với con chung Hoàng Đạt T, sinh năm 1996 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân, bà V, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Hoàng Đạt Th, sinh ngày 08/8/2005 có nguyện vọng muốn ở cùng ông Hoàng Đạt Q và ông Q đồng ý nhận nuôi. Do đó giao cháu Hoàng Đạt Th, sinh ngày 08/8/2005 cho ông Hoàng Đạt Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi là phù hợp.

Bà Hán Thị Ái V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở bà V thực hiện quyền này.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Hán Thị Ái V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014; điểm c mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hán Thị Ái V.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hán Thị Ái V với ông Hoàng Đạt Q.

Về con chung: Đối với con chung Hoàng Đạt T, sinh năm 1996 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân, bà V, chồng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết

Giao cháu Hoàng Đạt Th, sinh ngày 08/8/2005 cho ông Hoàng Đạt Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Bà Hán Thị Ái V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở bà V thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hán Thị Ái V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0006259 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thanh Hà

